

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2018/HS-ST
Ngày 11-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 42/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.1. Võ Sỹ Đ – (tên khác: Đ Tiêm), SN: 1985, tại Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Mai Thị H; bị cáo có vợ tên Phùng Thị Thanh H, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án: Ngày 16-12-2015 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 18 tháng tù theo Bản án số 11/2015/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến tháng 12/2016 thì chấp hành xong và về sinh sống tại địa phương (bản án chưa được xóa án tích)

Tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15-10-2017 cho đến nay “có

mặt”.

1.2. Nguyễn Quang T – (tên khác: Đ), SN: 1996, tại: Bình Phước;

Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 9, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim L; bị cáo có 03 anh, em lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/05/2017 cho đến nay “có mặt”.

1.3. Phan Văn C –SN: 1992, tại: Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan T và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990 và có 02 con sinh năm 2012 và 2015; tiền án; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06-05-2017 cho đến ngày 13-2-2018 được tại ngoại cho đến nay “có mặt”.

1.4. Nguyễn Văn L, –SN: 1978, tại: Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ tên Trương Thị P, sinh năm 1977 và có 03 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2010;

Tiền án: Ngày 20-10-2010 bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 07 năm tù theo Bản án số 34/2010/HSST về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến 30-01-2015 thì chấp hành xong và về sinh sống tại địa phương (bản án chưa được xóa án tích)

Tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24-11-2017 cho đến nay “có mặt”.

1.5. Trần Gia H– (tên khác: H Trọc), –SN: 1988, tại: Tây Ninh

Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Dương Thị T; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: có 05 tiền án

- Ngày 17-7-2007 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 02 năm tù theo Bản án số 47/2007/HSST về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 31-10-2008 thì chấp hành xong (bản án chưa được xóa án tích)

- Ngày 05-02-2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù theo Bản án số 06/2009/HSST về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 31-10-2009 thì chấp hành xong (bản án chưa được xóa án tích).

- Ngày 23-11-2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 02 năm tù theo Bản án số 203/2010/HSPT về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 02-5-2012 thì chấp hành xong (bản án chưa được xóa án tích).

- Ngày 18-12-2012 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù theo Bản án số 134/2012/HSST về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 25-3-2014 thì chấp hành xong (bản án chưa được xóa án tích).

- Ngày 23-12-2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù theo Bản án số 74/2014/HSST về tội “Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đến ngày 21-01-2017 thì chấp hành xong (bản án chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

Ngày 14-9-2017 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù theo Bản án số 62/2017/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt của Bản án này tại Trại giam Cây Cày, thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Tiền sự: không; bị cáo “có mặt”

***Người bị hại:**

1. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1974 (Có mặt)
2. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1977 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện P, Bình Phước

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1. Ông Võ Hồng A- (tên khác: Cu Anh), sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện P, tỉnh Bình Phước.
2. Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 9, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước

***Người làm chứng:**

- 2/ Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện P, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ở gần nhà ông Nguyễn Ngọc N nên Võ Sỹ Đ biết gia đình ông N có két sắt và biết được quy luật sinh hoạt của gia đình ông N nên Đ nảy sinh ý định trộm tài sản. Khoảng 13 giờ ngày 30-01-2017, Đ đến chòi rẫy của Nguyễn Văn L tại thôn M, xã S, huyện P chơi thì gặp Nguyễn Quang T, Phan Văn C, Vương Quốc V, Trần Gia H, Võ Hồng A, Điều Thanh T và Điều T cũng đang ngồi nhậu ở chòi. Do Đ biết V có khả năng đục két sắt nên Đ rủ V đột nhập vào nhà ông N để trộm cắp tài sản thì V đồng ý. V nói cho L biết sẽ đi trộm tài sản cùng Đ và rủ H tham gia thì L nói “thằng H mới ở Tây Ninh qua đây chơi không biết đường”. L nói Nguyễn Quang T và C đi chung với Đ và V thì Nguyễn Quang T và C đồng ý nên L nói với Đ và V để Nguyễn Quang T và C đi chung thì tất cả cùng thống nhất đồng ý. Còn Điều T và Điều Thanh T đi ra khỏi chòi và đi về nhà nên không biết. Sau khi bàn bạc thì V chuẩn bị sẵn một túi vải màu đen bên trong đựng 03 thanh kim loại màu đen, dài khoảng 30cm được đập nhọn hai đầu, 01 cái kéo bằng kim loại dùng để cắt tôn, 01 cái kìm kẹp, 02 đôi tất chân và 02 đôi tất tay.

Khoảng 02 giờ cùng ngày, Nguyễn Quang T điều khiển xe mô tô biển số 61H5 – 6933 chở V mang theo túi vải màu đen cùng với dụng cụ bên trong, C điều khiển xe mô tô Sirius (không rõ biển kiểm soát) chở Đ cùng đi đến nhà ông N. Khi đến nơi, Đ và C ở ngoài đợi còn V và Nguyễn Quang T đột nhập vào nhà ông N. V và Nguyễn Quang T đeo tất tay, tất chân rồi mang theo túi vải cùng đi đến phía cửa sau nhà ông N, Nguyễn Quang T đứng canh giới và cầm 01 điện thoại Nokia, màu đen của V soi đèn để V dùng kéo cắt hai cánh cửa sắt sau nhà để cả hai đột nhập vào trong. V và Nguyễn Quang T dùng điện thoại để làm đèn pin soi thì phát hiện một két sắt đặt ở phía đầu dưới giường cách cánh cửa ra vào khoảng 01m, bên trên để 01 chiếc tivi. V và Nguyễn Quang T bê tivi bỏ lên giường rồi lấy một cái chăn trải xuống nền nhà và nghiêng két sắt đặt lên chăn kéo ra phòng bếp. V và Nguyễn Quang T dùng 03 thanh kim loại để cạy bung cửa két sắt, sau đó V và Nguyễn Quang T lấy tài sản trong két sắt. T lấy một sợi dây chuyền bằng vàng và sổ tiền mặt trong két sắt đưa cho V bỏ vào trong túi vải rồi Nguyễn Quang T lấy 02 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen và màu xanh trên tủ lạnh rồi bỏ vào túi quần. Sau khi lấy được tài sản, V và Nguyễn Quang T đi ra ngoài bằng cửa sau đến chỗ Đ và C đợi sẵn rồi tất cả cùng đi về chòi rẫy của L. Trên đường đi do xe mô tô của C bị hư nên Đ chở V và Nguyễn Quang T về trước còn C gọi điện thoại cho L nói xe của C bị hư và nói L cho người ra đón C. Sau đó L nói Võ Hồng A ra đón C nhưng không gặp, C tự sửa được xe nên chạy về chòi rẫy của L.

Khi về chòi rẫy của L thì V lấy trong túi vải ra số tiền 1.000.000 đồng để Nguyễn Quang T và H đi mua ma túy, Nguyễn Quang T đưa cho V 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh và cho H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen vừa lấy trộm được. Khi Nguyễn Quang T và H đi mua ma túy về sử dụng thì thiếu tiền nên Nguyễn Quang T nói H đưa chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen cho người bán ma túy cầm cố để lấy ma túy về sử dụng. Khi về lại chòi rẫy của L thì Nguyễn Quang T nói cho V biết việc mua ma túy không đủ tiền nên đã cầm cố điện thoại Nokia 105 màu đen cho người bán ma túy thì V chuộc lại điện thoại này cho H để H sử dụng. sau đó, V chia cho Công 3.400.000 đồng, chia cho Đ 3.500.000 đồng và chia cho Nguyễn Quang T 3.600.000 đồng, V giữ số tiền còn lại và sợi dây chuyền, sau đó đưa sợi dây chuyền vàng cho đối tượng A (bạn gái V, chưa rõ nhân thân, lai lịch) bán tại Thị Đ được 16.000.000 đồng thì V chia cho Đ 5.000.000 đồng.

Qua làm việc với ông N, ông N khai nhận số tài sản mà ông N bị mất là 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 11 chỉ; 05 chỉ vàng 24K và 01 nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 đôi bông tai trẻ em bằng vàng 18k, trọng lượng 0,6 chỉ; 02 điện thoại Nokia 105 và số tiền mặt 21.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29/HĐ.ĐGTSTTHS ngày 28-02-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định tại thời điểm ngày 31-01-2017 thì 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 11 chỉ, trị giá 40.480.000 đồng. 05 chỉ vàng 24K, trị giá 18.400.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ, trị giá 3.892.500 đồng. Tổng giá trị là 62.772.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 62/HĐ.ĐGTSTTHS ngày 29-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định tại thời điểm ngày 31-01-2017 thì 01 đôi bông tai trẻ em bằng vàng 18K, trọng lượng 0,6 chỉ và 02 điện thoại di động hiệu Nokia 105 có tổng giá trị là 2.465.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị mất theo lời khai bị hại là 86.737.500 đồng (*Tám mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Quá trình điều tra chứng minh được số tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại gồm: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K, trọng lượng 11 chỉ, loại vàng 24K trị giá 40.480.000 đồng; 02 điện thoại di động hiệu Nokia 105 giá trị 992.000 đồng và số tiền 21.500.000 đồng. Tổng cộng là 62.972.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 22/QĐ/KSĐT – KT ngày 20-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Võ Sỹ Đ, Nguyễn

Quang T, Phan Văn C và Nguyễn Văn L về tội “ Trộm cắp tài sản” Theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Gia H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Theo điểm đ khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 138, điểm **p** khoản 1 Điều 46, các Điều 20, 33,45, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Võ Sỹ Đ mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Áp dụng khoản 2 Điều 138, các điểm **b, p** khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, 33,45 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

Áp dụng khoản 2 Điều 138, điểm **p** khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, 33,45, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

Áp dụng khoản 2 Điều 138, các điểm **b, p** khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, 33,45 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Phan Văn C mức án tù 18 đến 24 tháng tù

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250, điểm **p** khoản 1 Điều 46, các Điều 33,45 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Gia H mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố. Xét lời khai của các bị cáo và lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên Võ Sỹ Đ bàn bạc với Vương Quốc V và Nguyễn Văn L đi trộm cắp tài sản của gia đình ông Nguyễn Ngọc N. L phân công Phan Văn C, Nguyễn Quang T cùng tham gia. Khoảng 02 giờ ngày 31-01-2017, Đ, V, Nguyễn Quang T và C cùng đi tới nhà ông N rồi Đ và C ngồi ngoài cánh giới, V và Nguyễn Quang T đột nhập vào nhà ông N cạy phá kết sắt chiếm đoạt tiền, dây chuyền vàng và 02 điện thoại di động.

Căn cứ vào lời khai của bị hại và các chứng cứ do bị hại cung cấp có căn cứ chứng minh trọng lượng dây chuyền vàng các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 11 chỉ, loại vàng 24K trị giá 40.480.000 đồng. 02 điện thoại di động Nokia 105 giá trị là 992.000 đồng và số tiền là 21.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản quá trình điều tra chứng minh được là 62.972.000 đồng.

Theo gia đình ông N khai báo, ngoài số tài sản trên, gia đình ông còn bị mất 05 chỉ vàng 24K, trị giá 18.400.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ, trị giá 3.892.500 đồng; 01 đôi bông tai trẻ em bằng vàng 18K, trọng lượng 0,6 chỉ, trị giá 1.473.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là 23.765.500 đồng. Các bị cáo không thừa nhận có chiếm đoạt các tài sản này và quá trình điều tra không thu thập được các chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, các bị cáo Võ Sỹ Đ, Nguyễn Quang T, Phan Văn C, Nguyễn Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tài sản chiếm đoạt của gia đình bị hại là 62.972.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo Võ Sỹ Đ là người lựa chọn địa điểm, biết quy luật sinh hoạt của gia đình bị hại, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia lấy trộm tài sản. Bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án. Về nhân thân, bị cáo là người đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nhưng không chịu tu dưỡng rèn

luyện bản thân nên đã thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Bị cáo Nguyễn Văn L tham gia thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức tích cực, lựa chọn bị cáo T, C tham gia thực hiện tội phạm, sau khi phạm tội bỏ trốn bị truy nã. Bản thân bị cáo đã bị kết án về tội phạm ma túy, đã thuộc trường hợp tái phạm, trong thời gian chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Các bị cáo Nguyễn Quang T, Phan Văn C sau khi được bị cáo L rủ tham gia trộm cắp cùng bị cáo Đ thì cả hai đồng ý tham gia thực hiện rất tích cực. Các bị cáo đã dùng phương tiện của mình chở bị cáo Đ và V đi trộm cắp. Khi đến nhà bị hại, bị cáo C đứng ngoài làm nhiệm vụ canh giới, để bị cáo Nguyễn Quang T trực tiếp cùng tên V cạy phá cửa, đục phá kết sắt chiếm đoạt tài sản.

- Đối với bị cáo Trần Gia H không biết nhóm Đ đi trộm cắp tài sản, nhưng khi nhóm Đ trộm cắp tài sản về, bị cáo Nguyễn Quang T dùng số tiền 1000.000 đồng đi mua ma túy và được Nguyễn Quang T cho điện thoại di động để sử dụng. Ngoài ra, bị cáo H còn được bị cáo Đ cho 500.000 đồng, bị cáo C cho 400.000 đồng và cho vay 500.000 đồng. Bị cáo biết rõ tài sản này do trộm cắp mà có nhưng vẫn sử dụng nên phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bản thân bị cáo H là người đã nhiều lần bị kết án phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản, đã thuộc trường hợp tái phạm, trong thời gian chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, có sự theo dõi, tính toán, chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi thực hiện. Hành vi này trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an trị an tại địa phương.

Vì vậy, cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo cụ thể:

Bị cáo Võ Sỹ Đ, Nguyễn Văn L, Trần Gia H thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo L ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Nguyễn Quang T, Phan Văn C thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội ra đầu thú; gia đình đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, gia đình người bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết

giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với Vương Quốc V đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra Lệnh Truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Võ Hồng A không biết việc các bị can bàn bạc đi trộm cắp tài sản nhà ông Niệm, chỉ khi xe của C bị hư thì Lâm kêu A ra đón C nhưng A không biết là C mới đi trộm cắp tài sản, A không được chia tiền trộm cắp được nên không có căn cứ để xác định A đồng phạm với các bị can về hành vi trộm cắp tài sản nhà ông N nên không đề cập xử lý đối với A.

Đối với việc Nguyễn Quang T và H mua ma túy của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Bến xe khách Thành Công tại thị xã P, tỉnh Bình Phước để sử dụng. Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ông N và bà Phạm Thị A yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị vàng và tiền mà các bị cáo chiếm đoạt với số tiền là 80.000.000 đồng. Các bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Cụ thể: Các bị cáo được chia tài sản có nghĩa vụ bồi thường lại cho bị hại gồm: Bị cáo Võ Sỹ Đ 8.500.000 đồng; Phan Văn C 3.400.000 đồng; Nguyễn Quang T 3.600.000 đồng; Trần Gia H 496.000 đồng (giá trị điện thoại). Tổng cộng là 15.996.000 đồng.

Số tiền còn lại là 64.004.000 đồng các bị cáo Phan Văn C, Võ Sỹ Đ, Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn L phải bồi thường, theo tỷ lệ ngang nhau.

Như vậy, các bị cáo phải bồi thường cho bị hại cụ thể như sau:

- Võ Sỹ Đ 24.504.000 đồng,
- Nguyễn Văn L 16.000.000 đồng.
- Phan Văn C 19.400.000 đồng, được trừ số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn lại 9.400.000 đồng.
- Nguyễn Quang T 19.600.000 đồng, được trừ số tiền 15.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn lại 4.600.000đ.
- Trần Gia H 496.000 đồng.

Đối với 01 két sắt, 02 cánh cửa sắt bằng kim loại của gia đình bị hại bị hư hỏng nhưng bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số: 61H – 6933 và giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Quang T1 cho Nguyễn Quang T mượn xe để sử dụng, việc Nguyễn Quang T dùng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì ông T1 không biết nên cần trả lại cho ông T1;

Đối với xe mô tô Sirius, màu xanh (không rõ biển số): C sử dụng làm phương tiện chở Đ đi trộm cắp tài sản. Sau khi phạm tội C bán lại cho người khác không xác định được nhân thân lai lịch, cơ quan điều tra không thu hồi được nên tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại có chiều dài 34,5cm, cán bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20,5cm, rộng 09cm và 01 (một) hộp nhựa màu nâu đỏ, có nhãn hiệu “VAN TIEN”, đường kính 06cm là tài sản hợp pháp của gia đình ông N nên cần thiết trả lại cho ông N.

Đối với 01 (một) ống kim loại dài 37cm, đường kính 2,3cm không xác định được chủ sở hữu và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một túi vải màu đen, 03 thanh kim loại màu đen, dài khoảng 30cm được đập nhọn hai đầu, 01 cái kéo bằng kim loại, 01 cái kìm kẹp, 02 đôi tất chân, 02 đôi tất tay và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen V sử dụng làm đèn soi sáng khi đột nhập nhà bị hại, V đã mang theo khi bỏ trốn, cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại Nokia 105 màu đen H sử dụng nhưng H đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với 01 điện thoại Nokia 105 màu V đã mang theo khi bỏ trốn nên chưa thu hồi được, khi nào bắt được V thu hồi được tài sản sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét

Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Sỹ Đ, Nguyễn Quang T, Phan Văn C, Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo **Trần Gia H** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm **p** khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Võ Sỹ Đ** 04 (Bốn) năm tù. Hạn tù tính từ ngày 15-10-2017.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm **p** khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 24-11-2017.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b,**p** khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 07-05-2017

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b,**p** khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; Điều 45; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Phan Văn C** 18 (Mười tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày ngày 06-05-2017 cho đến ngày 13-2-2018.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm **p** khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trần Gia H** 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” của Bản án số 62/2017/HSST ngày 14-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo Trần Gia H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-5-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại như sau:

Các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại cụ thể như sau:

- Võ Sỹ Đ 24.504.000 đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm lẻ bốn nghìn đồng)

- Nguyễn Văn L 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng)

- Phan Văn C 9.400.000 đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng)

-Nguyễn Quang T 4.600.000 đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)

- Trần Gia H 496.000 đ (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày đại diện nguyên đơn dân sự có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện việc trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên trả cho Nguyễn Quang T 01 xe mô tô biển số: 61H – 6933 và giấy đăng ký xe mô tô.

Tuyên trả cho Nguyễn Ngọc N 01 (một) con dao bằng kim loại có chiều dài 34,5cm, cán bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20,5cm, rộng 09cm; 01 (một) hộp nhựa màu nâu đỏ, có nhãn hiệu “VAN TIEN”, đường kính 06cm

Tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) ống kim loại dài 37cm, đường kính 2,3cm Đối với 01 (một) ống kim loại dài 37cm, đường kính 2,3cm

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Võ Sỹ Đ, Nguyễn Quang T, Phan Văn C, Nguyễn Văn L và Trần Gia H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng)

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Sỹ Đ phải nộp số tiền 1.226.000 đồng, Nguyễn Quang T phải nộp số tiền 300.000 đồng, Phan Văn C phải nộp số tiền 470.000 đồng, Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 800.000 đồng và Trần Gia H phải nộp số tiền 3.00.000 đồng.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Viết Hòa